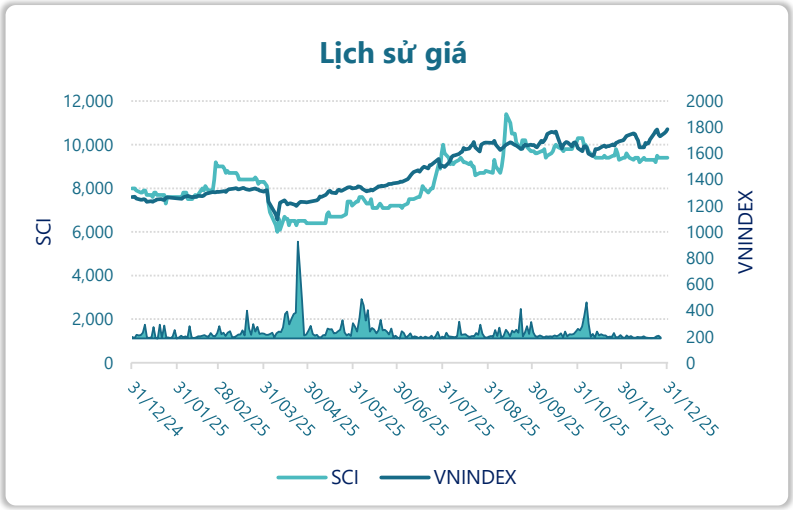
FireAnt

CTCP SCI E&C (HNX: SCI)



Thông tin giao dịch	31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**9,400**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	11,400
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	6,000
SL cổ phiếu LH	30,491,409
KLGD BQ 20 phiên (CP)	32,090
% sở hữu nước ngoài	0.5%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	287
P/E	269.3
EPS	35

DT thuần

Q4/25

156

tỷ VNĐ

QoQ: ▼45.0| -22.3%

YoY: ▼79.0| -33.5%

LN sau thuế

Q4/25

5.15

tỷ VNĐ

QoQ: ▼2.68| -34.3%

YoY: ▲ 10.3| 199%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

3.5%

+/- YoY: ▼ 0.1%

DT thuần

2025

846

tỷ VNĐ

YoY: ▼162| -16.0%

LN sau thuế

2025

1.06

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 1.04| 4466%

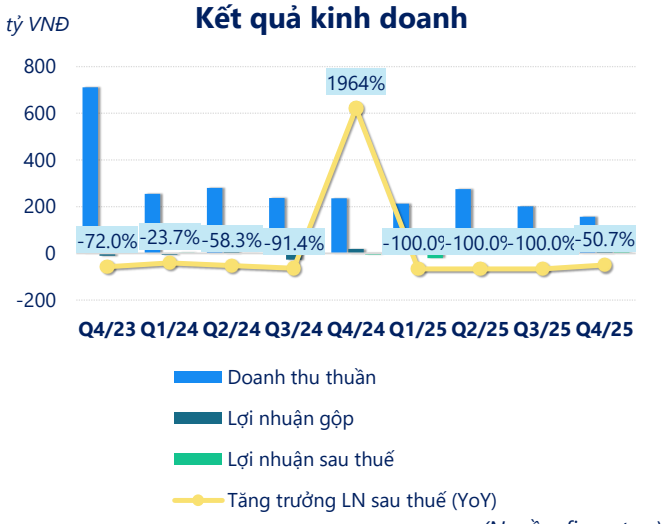
ROE

2025

0.2%

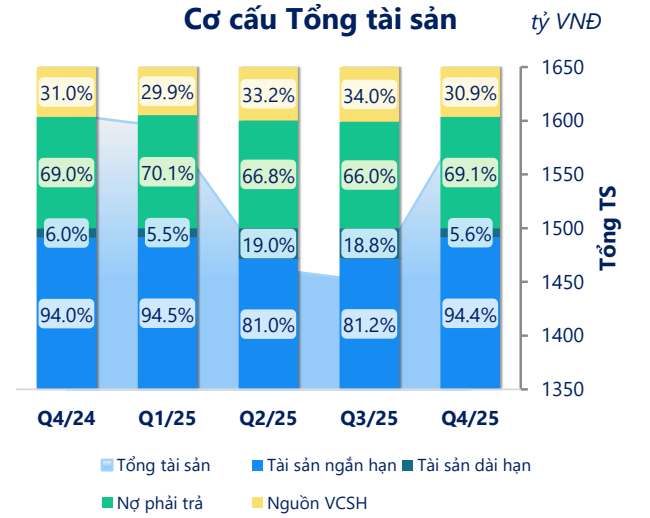
+/- YoY: ▲ 0.2%

Kết quả kinh doanh



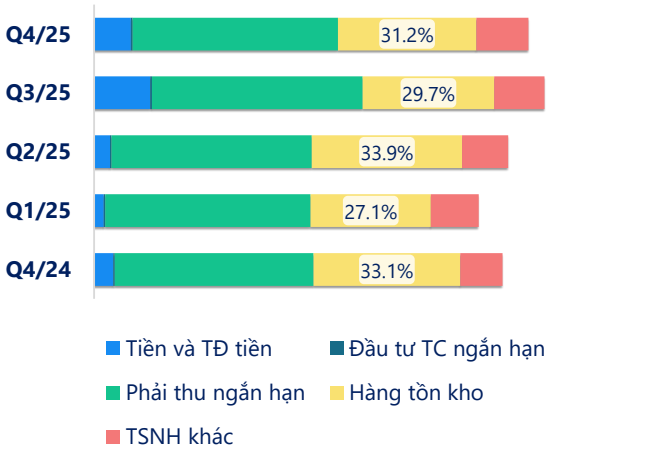
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



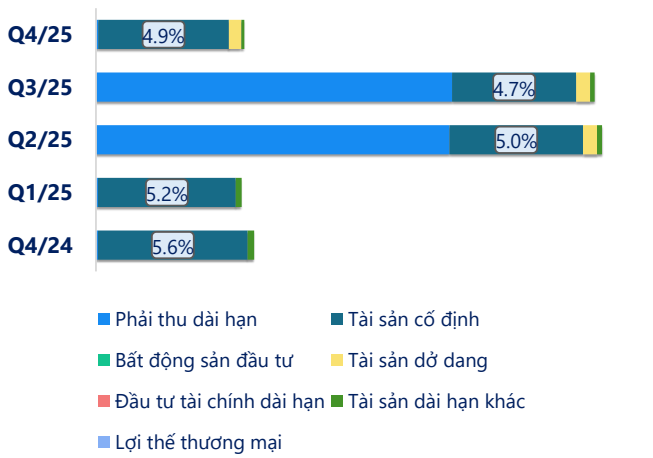
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



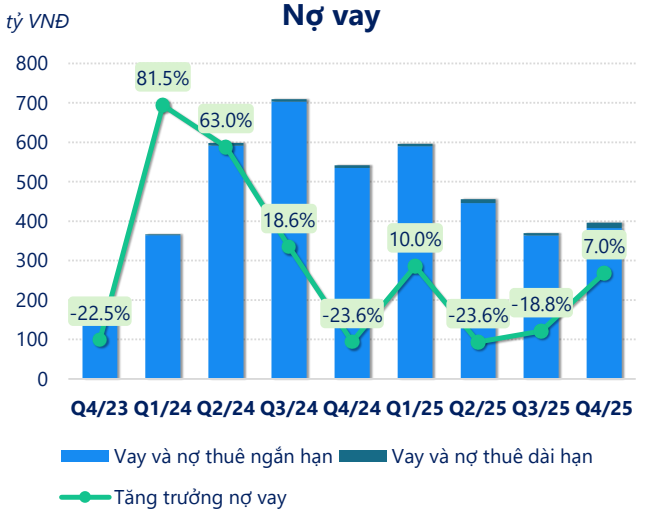
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



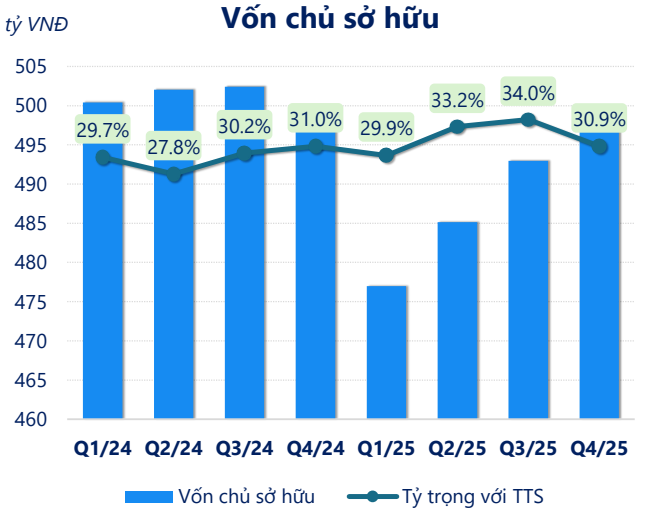
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



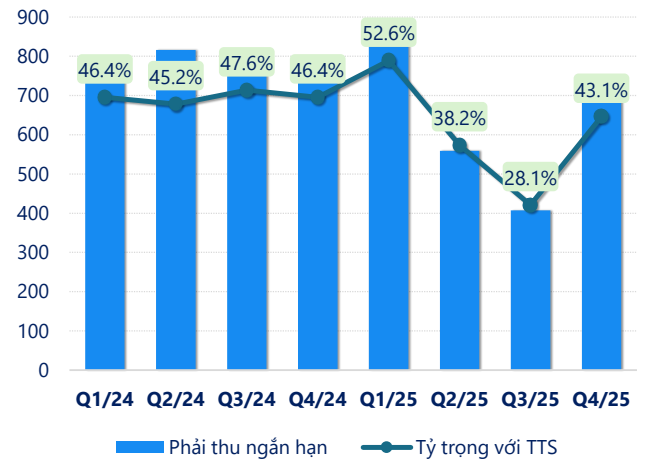
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



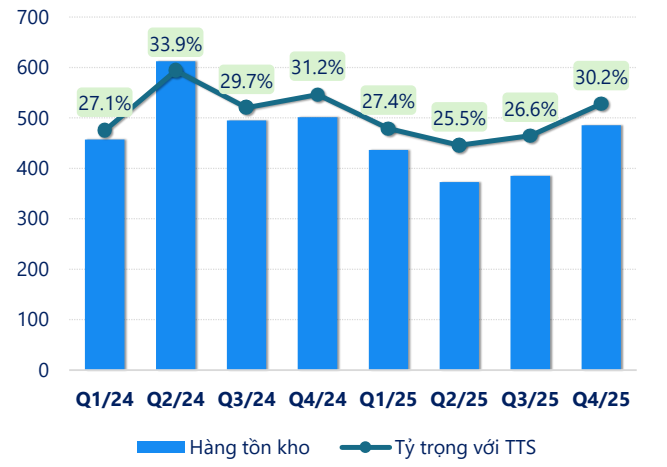
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



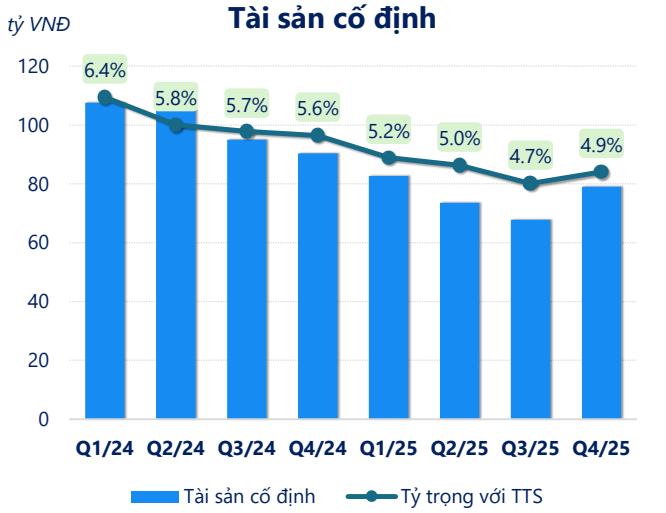
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



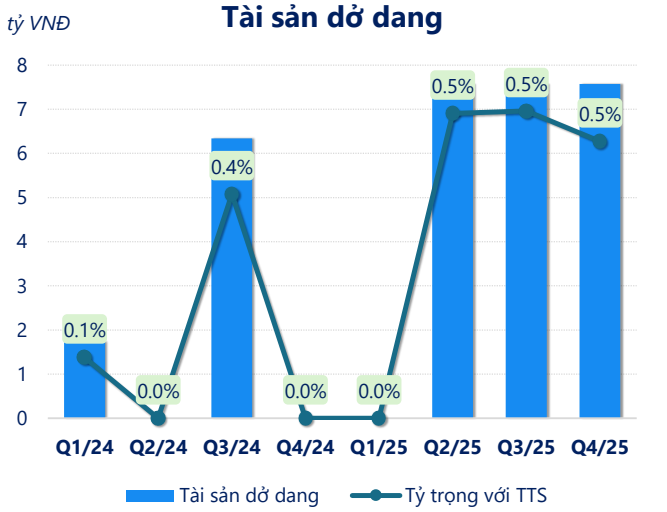
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



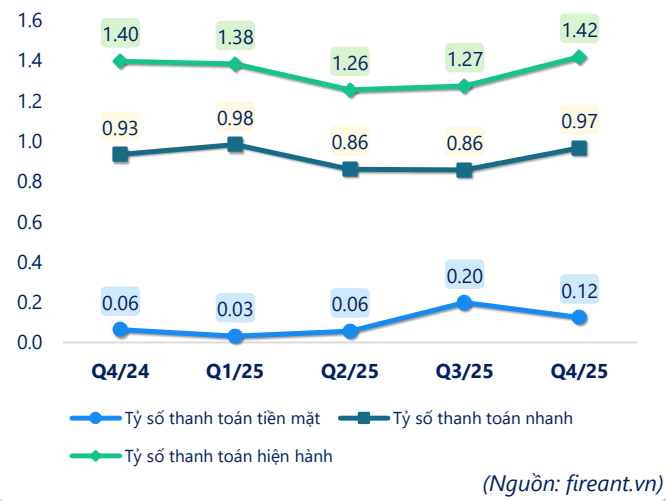
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



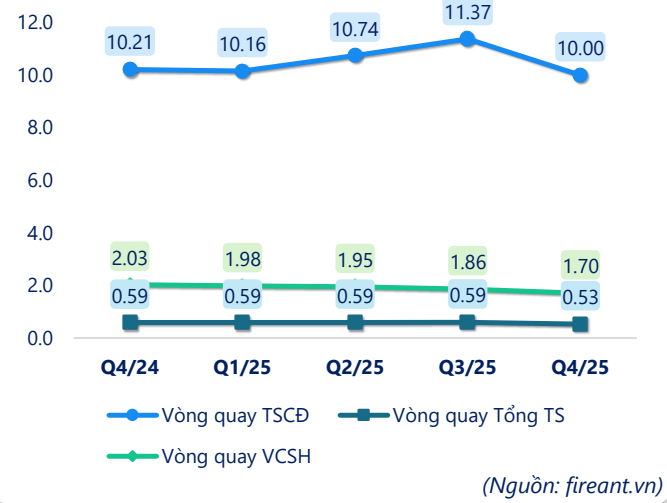
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	**1,606**	**1,594**	**1,463**	**1,451**	**1,610**
Tài sản ngắn hạn	**1,511**	**1,507**	**1,184**	**1,179**	**1,520**
Tiền và tương đương tiền	69.2	34.5	52.4	184	133
Đầu tư tài chính ngắn hạn	6.30	6.30	6.45	6.45	6.55
Phải thu ngắn hạn	745	839	559	407	693
Hàng tồn kho	501	436	373	385	485
Tài sản ngắn hạn khác	189	191	193	196	201
Tài sản dài hạn	**95.7**	**87.3**	**278**	**272**	**89.9**
Phải thu dài hạn	1.24	1.18	194	194	1.44
Tài sản cố định	90.4	82.7	73.6	67.8	79.0
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0	0	7.58	7.58	7.58
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	4.03	3.45	2.87	2.47	1.87
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**1,109**	**1,117**	**977**	**958**	**1,112**
Nợ ngắn hạn	**1,081**	**1,089**	**943**	**925**	**1,070**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	535	590	446	364	382
Phải trả người bán ngắn hạn	178	142	141	143	151
Nợ dài hạn	28.2	28.6	34.2	32.8	41.1
Vay và nợ thuê dài hạn	7.18	5.88	9.31	6.41	13.5
Nguồn vốn chủ sở hữu	**497**	**477**	**485**	**493**	**498**
Vốn chủ sở hữu	**497**	**477**	**485**	**493**	**498**
Vốn điều lệ	305	305	305	305	305
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)